



TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

CHƯƠNG I: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC VÀ TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

Bộ môn Lý luận chính trị - Khoa Khoa học cơ bản

- **Về kiến thức:** Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về triết học nói chung, những điều kiện ra đời của triết học Mác - Lênin. Đồng thời, giúp sinh viên nhận thức được thực chất cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện và các giai đoạn hình thành, phát triển triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong thời đại ngày nay.
- **Về kỹ năng:** Giúp sinh viên biết vận dụng tri thức đã học làm cơ sở cho việc nhận thức những nguyên lý cơ bản của triết học Mác - Lênin; biết đấu tranh chống lại những luận điểm sai trái, phủ nhận sự hình thành, phát triển triết học Mác - Lênin.
- **Về tư tưởng:** Giúp sinh viên củng cố niềm tin vào bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng.

1.1

Triết học và vấn đề cơ bản của triết học

1.2

**Triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học
Mác - Lênin trong đời sống xã hội**

1.1. TRIẾT HỌC VÀ VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

1.1.1

Khái lược về triết học

1.1.2

Vấn đề cơ bản của triết học

1.1.3

Biện chứng và siêu hình

1.1.1. KHÁI LƯỢC VỀ TRIẾT HỌC

a. Nguồn gốc của triết học

b. Khái niệm triết học

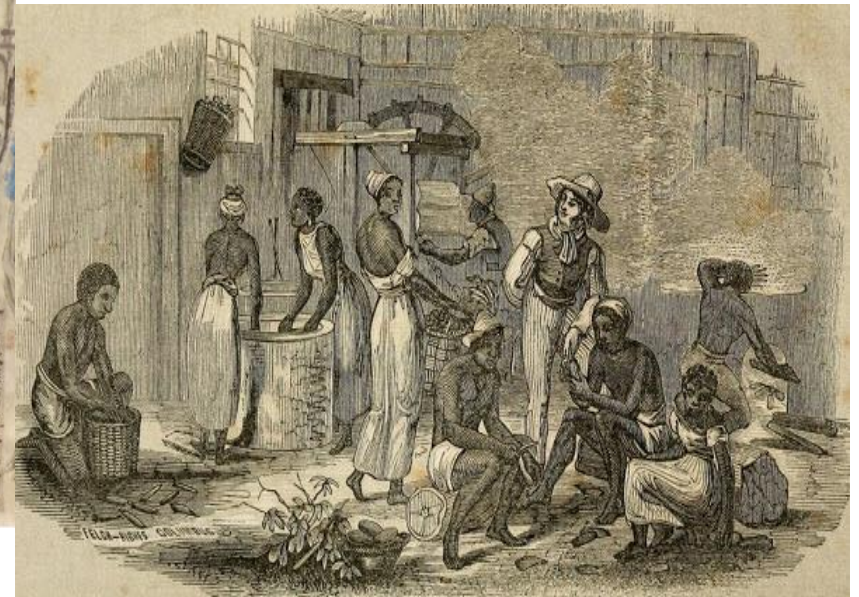
c. Đối tượng của triết học
trong lịch sử

d. Triết học - hạt nhân lý luận
của thế giới quan

1.1.1. KHÁI LƯỢC VỀ TRIẾT HỌC

a. Nguồn gốc của triết học

Triết học ra đời vào khoảng từ thế kỷ VIII đến thế kỷ VI tr.CN tại các trung tâm văn minh lớn của nhân loại thời Cổ đại (phương Đông: Ấn Độ và Trung Hoa, phương Tây: Hy Lạp).



a. Nguồn gốc của triết học

Triết học là một hình thái ý thức xã hội, là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng.

Nguồn gốc nhận thức

Trước khi triết học xuất hiện thế giới quan thần thoại đã chi phối hoạt động nhận thức của con người.

Triết học là hình thức tư duy lý luận đầu tiên và chỉ xuất hiện khi con người có khả năng tư duy trừu tượng, năng lực khái quát của con người để giải quyết tất cả các vấn đề nhận thức chung về tự nhiên, xã hội, tư duy.

a. Nguồn gốc của triết học

Nguồn gốc xã hội

Phân công lao động xã hội dẫn đến sự phân chia lao động: lao động chân tay và lao động trí óc.

Khi xã hội có sự phân chia giai cấp, triết học ra đời bản thân nó đã mang “tính đảng” (nhiệm vụ của nó là luận chứng và bảo vệ lợi ích của một giai cấp xác định).

Câu 1: Triết học ra đời sớm nhất ở đâu?

- A. Ấn Độ, Châu Phi, Nga.
- B. Ấn Độ, Trung Quốc, Hy Lạp.
- C. Ai Cập, Ấn Độ, Trung Quốc.
- D. Trung Quốc, Ai Cập, Nga.

1.1.1. KHÁI LƯỢC VỀ TRIẾT HỌC

Triết học là gì?

b. Khái niệm triết học



Trung Quốc

哲 *Triết* - *Trí*: sự truy tìm bản chất của đối tượng nhận thức, thường là con người, xã hội, vũ trụ và tư tưởng tinh thần.

Ấn Độ

***Triết* - “*darshana*”:** có nghĩa là “chiêm ngưỡng” là con đường suy ngẫm để dẫn dắt con người đến với lẽ phải, thấu đạt được chân lý về vũ trụ và nhân sinh.



Phương Tây

Philosophia vừa mang nghĩa là giải thích vũ trụ, định hướng nhận thức và hành vi, vừa nhấn mạnh đến khát vọng tìm kiếm chân lý của con người.

b. Khái niệm triết học

Ở phương Đông và phương Tây thời cổ đại, triết học là hoạt động tinh thần bậc cao, là loại hình nhận thức có trình độ trừu tượng hóa và khái quát hóa.



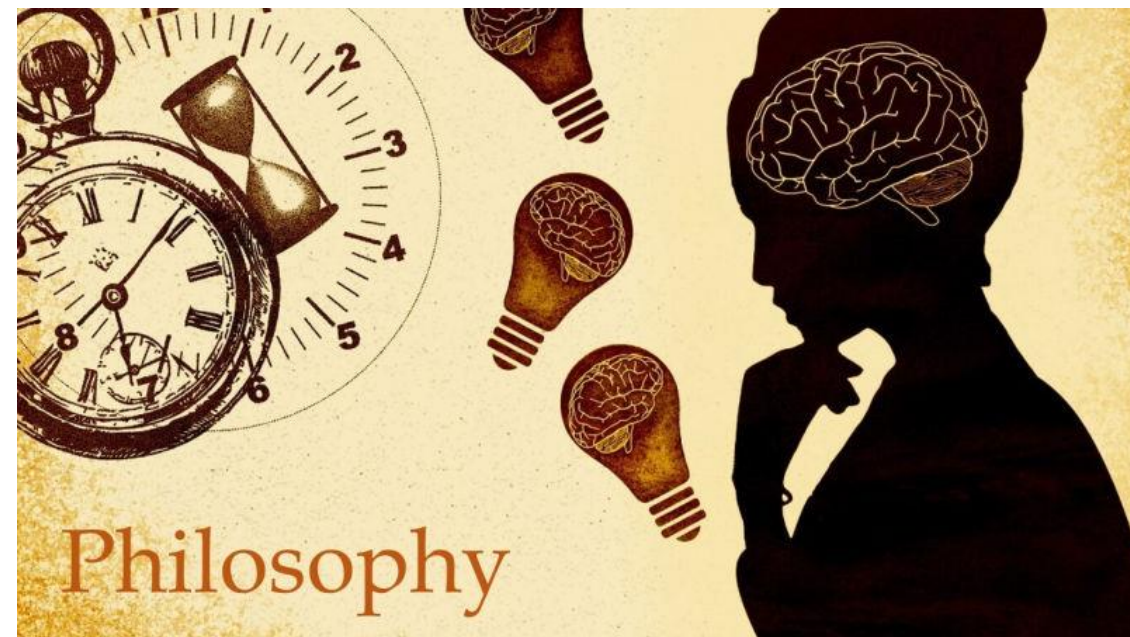
1.1.1. KHÁI LƯỢC VỀ TRIẾT HỌC

b. Khái niệm triết học

Đặc thù của triết học:

Sử dụng các công cụ lý tính, các tiêu chuẩn logic và khái quát thể giới quan bằng các nguyên lý, quy luật.

Triết học khác với các khoa học khác ở tính đặc thù của hệ thống tri thức khoa học và phương pháp nghiên cứu.



c. Đối tượng của triết học trong lịch sử

Thời kỳ
Hy Lạp cổ đại

Triết học tự nhiên bao gồm tất cả những tri thức mà con người có được, trước hết là các tri thức thuộc khoa học tự nhiên sau này như toán học, vật lý học, thiên văn học...

Thời kỳ
trung cổ

Triết học kinh viện, triết học mang tính tôn giáo.

Thời kỳ
phục hưng, cận đại

Triết học tách ra thành các môn khoa học như cơ học, toán học, vật lý học, thiên văn học, hóa học, sinh học, xã hội học, tâm lý học, văn hóa học...

c. Đối tượng của triết học trong lịch sử

Triết học
cổ điển Đức

Đỉnh cao của quan niệm “Triết học là khoa học của mọi khoa học” ở Hêghen.

Triết học Mác

Trên lập trường duy vật biện chứng để nghiên cứu những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.

Triết học phương
Tây hiện đại

Lấy con người làm trung tâm, nghiên cứu các khía cạnh khác nhau của con người: Triết học hiện sinh, triết học thực chứng, Hiện tượng học, Triết học thực dụng, Phân tâm học...

c. Đối tượng của triết học trong lịch sử

Triết học
Ấn Độ

Các trường phái Triết học Ấn Độ cổ đại xoay xung quanh việc giải thoát.

Triết học
Trung Quốc

Triết học Trung Quốc quan tâm đến việc thiết lập các quan hệ, trật tự xã hội và thống nhất đất nước Trung Hoa. Vì vậy, triết học Trung Quốc là triết học về chính trị - xã hội...

Triết học
Việt Nam

Triết học Việt Nam quan tâm đến vấn đề lớn của dân tộc, của truyền thống dựng nước và giữ nước.

d. Triết học - hạt nhân lý luận của thế giới quan

- Thế giới quan

Là khái niệm triết học chỉ hệ thống các tri thức, quan điểm, tình cảm, niềm tin, lý tưởng xác định về thế giới và về vị trí của con người (bao gồm cá nhân, xã hội và cả nhân loại) trong thế giới đó. Thế giới quan quy định các nguyên tắc, thái độ, giá trị trong định hướng nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.

- Quan hệ giữa thế giới quan và nhân sinh quan
- Các loại hình thế giới quan

d. Triết học - hạt nhân lý luận của thế giới quan

Thứ nhất

Bản thân triết học chính là thế giới quan.

Thứ hai

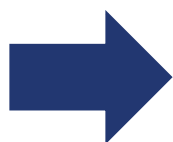
Trong số các loại thế giới quan phân chia theo các cơ sở khác nhau thì thế giới quan triết học bao giờ cũng là thành phần quan trọng, đóng vai trò là nhân tố cốt lõi.

Thứ ba

Triết học bao giờ cũng có ảnh hưởng và chi phối các thế giới quan khác như: thế giới quan tôn giáo, thế giới quan kinh nghiệm, thế giới quan thông thường...

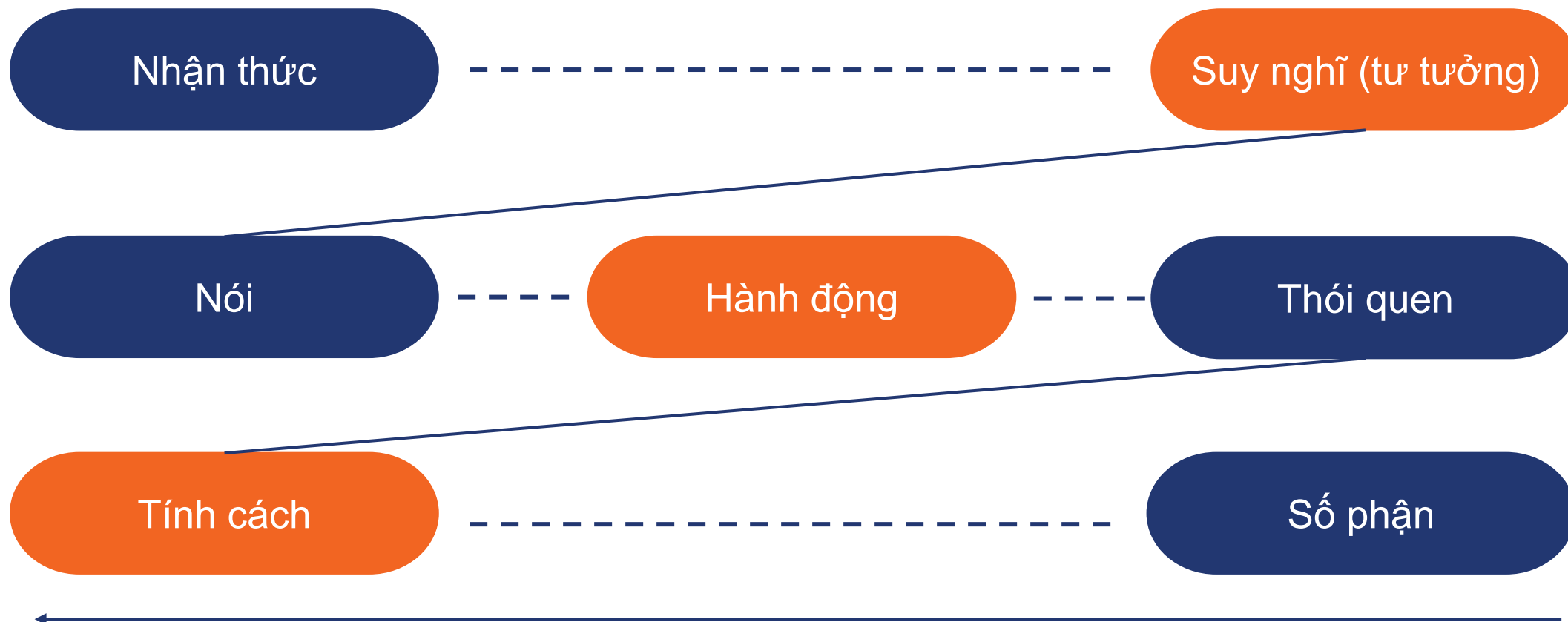
Thứ tư

Thế giới quan triết học quy định mọi quan niệm khác của con người.



Thế giới quan duy vật biện chứng là đỉnh cao của thế giới quan do nó dựa trên quan niệm duy vật về vật chất và ý thức, trên các nguyên lý, quy luật của biện chứng.

d. Triết học - hạt nhân lý luận của thế giới quan



Muốn thay đổi cuộc đời – thay đổi nhận thức, thay đổi cách nhìn - TGQ

d. Triết học - hạt nhân lý luận của thế giới quan



Ph. Ăngghen: *“Những ai phỉ báng triết học nhiều nhất lại chính là những kẻ nô lệ của những tàn tích thông tục hóa, tồi tệ nhất của những học thuyết triết học tồi tệ nhất... Dù những nhà khoa học tự nhiên có làm gì đi nữa thì họ cũng vẫn bị triết học chi phối. Vấn đề chỉ ở chỗ họ muốn bị chi phối bởi một thứ triết học tồi tệ hợp mốt, hay họ muốn được hướng dẫn bởi một hình thức tư duy lý luận dựa trên sự hiểu biết về lịch sử tư tưởng và những thành tựu của nó.”*

Ph. Ăngghen, *Biện chứng của tự nhiên*, C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, 2004, t.20, tr.692-693

Câu 2: Trình tự xuất hiện của các hình thức thể giới quan trong lịch sử là như thế nào?

- A. Tôn giáo - huyền thoại - triết học.
- B. Huyền thoại - tôn giáo - triết học.
- C. Triết học - tôn giáo - huyền thoại.
- D. Huyền thoại - triết học - tôn giáo.

1.1.2. VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

a. Nội dung vấn đề cơ bản
của triết học

b. Chủ nghĩa duy vật và chủ
nghĩa duy tâm

c. Thuyết có thể biết (Khả tri
luận) và thuyết không thể biết
(Bất khả tri luận)

1.1.2. VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

“Vấn đề cơ bản lớn của mọi triết học, đặc biệt là của triết học hiện đại, là vấn đề quan hệ giữa tư duy với tồn tại”

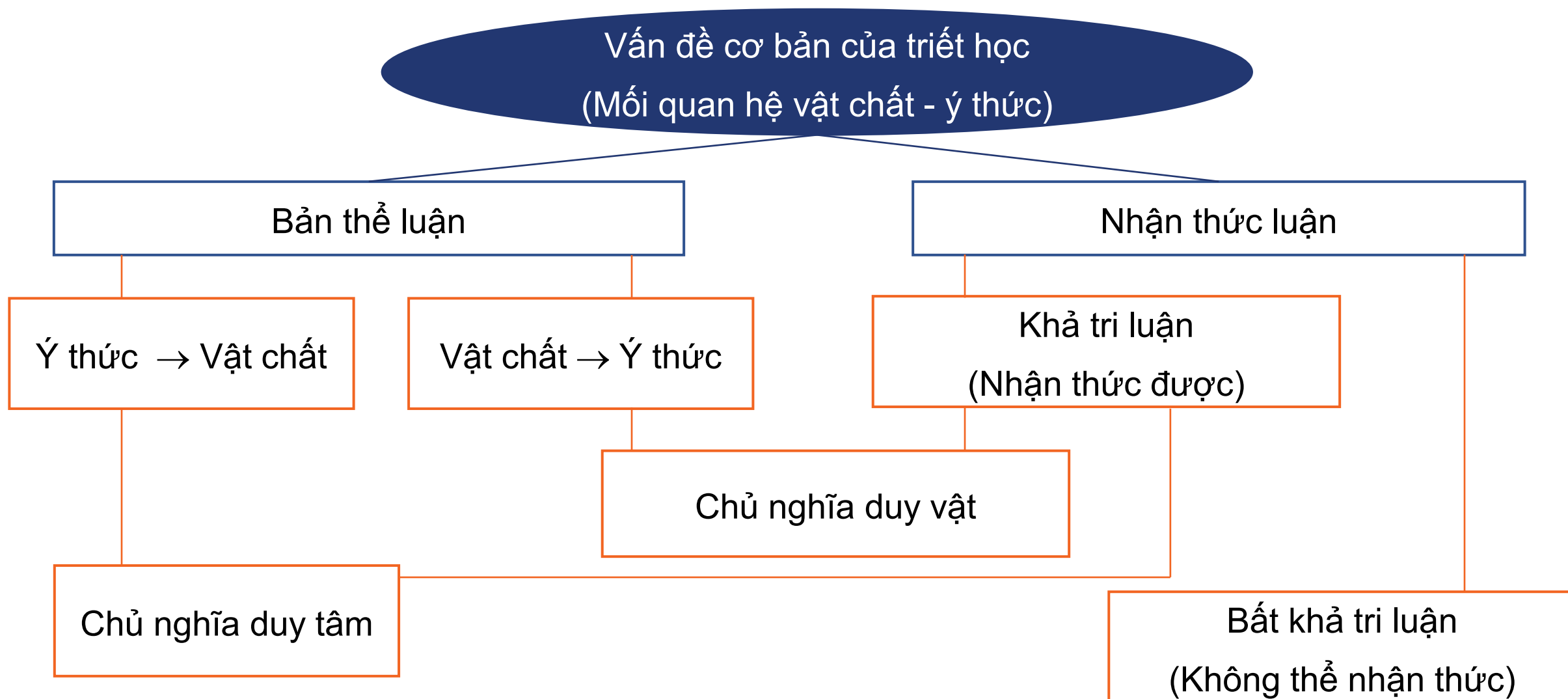
Giữa vật chất và ý thức, cái nào có trước, cái nào có sau và cái nào quyết định?



Con người có khả năng nhận thức được thế giới hay không?

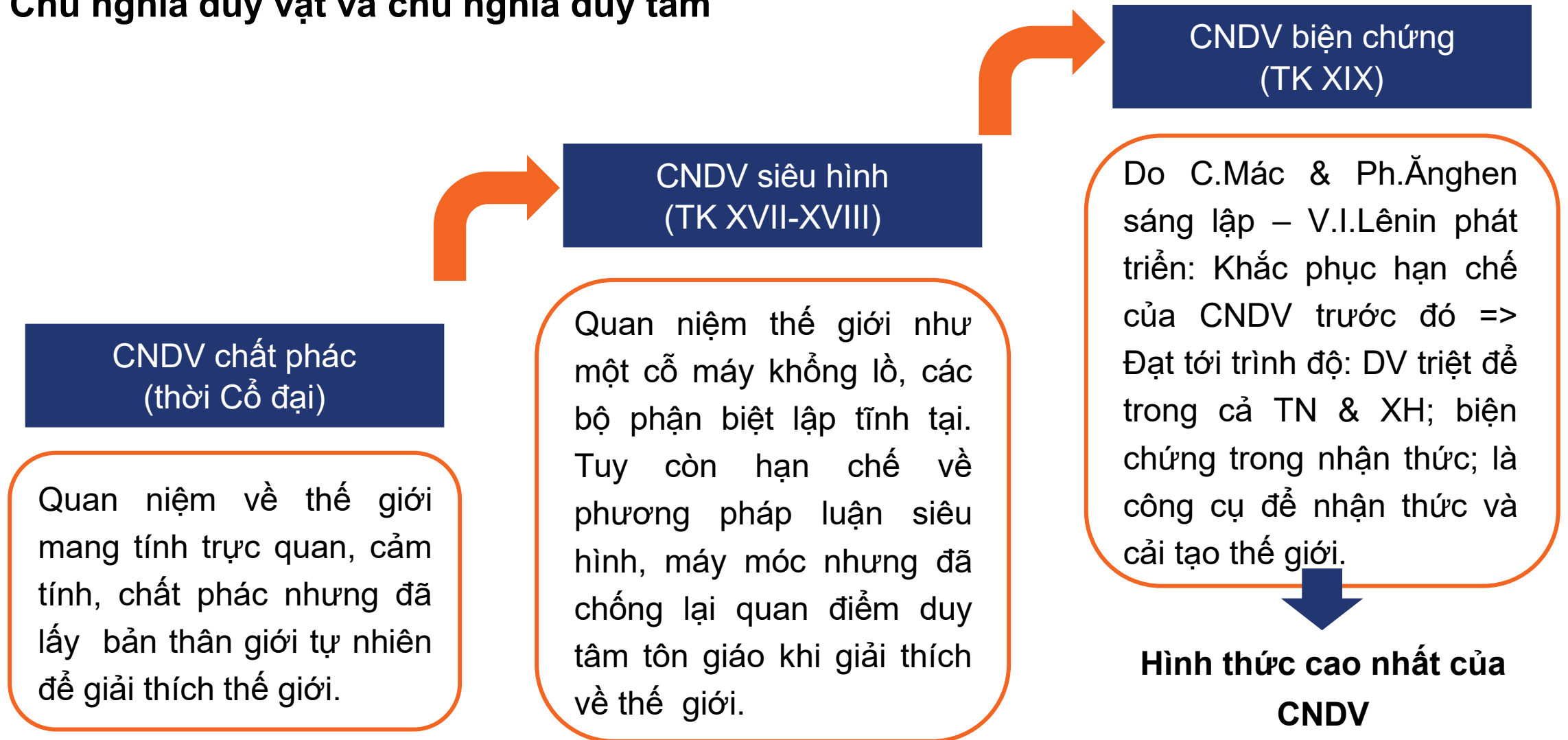
1.1.2. VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

a. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học



1.1.2. VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm



1.1.2. VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm



Duy tâm khách quan

Tinh thần khách quan có trước và tồn tại độc lập với con người (Platon; Hegel)

Duy tâm chủ quan

Thừa nhận tính thứ nhất của ý thức từng người cá nhân - G.Berkeley, Hume, G.Fichte)

1.1.2. VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA TRIẾT HỌC

b. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm

Đặc điểm

Chủ
nghĩa
duy tâm

CNDT cho rằng tinh thần có trước, vật chất có sau, thừa nhận sự sáng tạo thế giới của các lực lượng siêu nhiên.

Là thế giới quan của giai cấp thống trị và các lực lượng xã hội phản động;

Liên hệ mật thiết với thế giới quan tôn giáo;

Chống lại chủ nghĩa duy vật và khoa học tự nhiên;

Nhất nguyên luận và nhị nguyên luận trong triết học.

c. Thuyết có thể biết (Khả tri luận) và thuyết không thể biết (Bất khả tri luận)

Khả tri luận

Khẳng định con người về nguyên tắc có thể hiểu được bản chất của sự vật; những cái mà con người biết về nguyên tắc là phù hợp với chính sự vật.

Bất khả tri luận

Con người không thể hiểu được bản chất thật sự của đối tượng; Các hiểu biết của con người về tính chất, đặc điểm... của đối tượng mà, dù có tính xác thực, cũng không cho phép con người đồng nhất chúng với đối tượng vì nó không đáng tin cậy.

Hoài nghi luận

Nghi ngờ trong việc đánh giá tri thức đã đạt được và cho rằng con người không thể đạt đến chân lý khách quan.

Câu 3: Luận điểm của Rơ-nê Đêcắc-tơ "Tôi tư duy vậy tôi tồn tại" thể hiện khuynh hướng triết học nào?

- A. Chủ nghĩa duy tâm khách quan.
- B. Chủ nghĩa duy vật tầm thường.
- C. Thuyết hoài nghi.
- D. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

1.1.3. BIỆN CHỨNG VÀ SIÊU HÌNH

a. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử

b. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử

a. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử

Biện chứng

Nghĩa xuất phát của từ “biện chứng” là nghệ thuật tranh luận để tìm chân lý bằng cách phát hiện mâu thuẫn trong cách lập luận.

Siêu hình

Nghĩa ban đầu là dùng để chỉ triết học, với tư cách là khoa học siêu cảm tính, phi thực nghiệm.

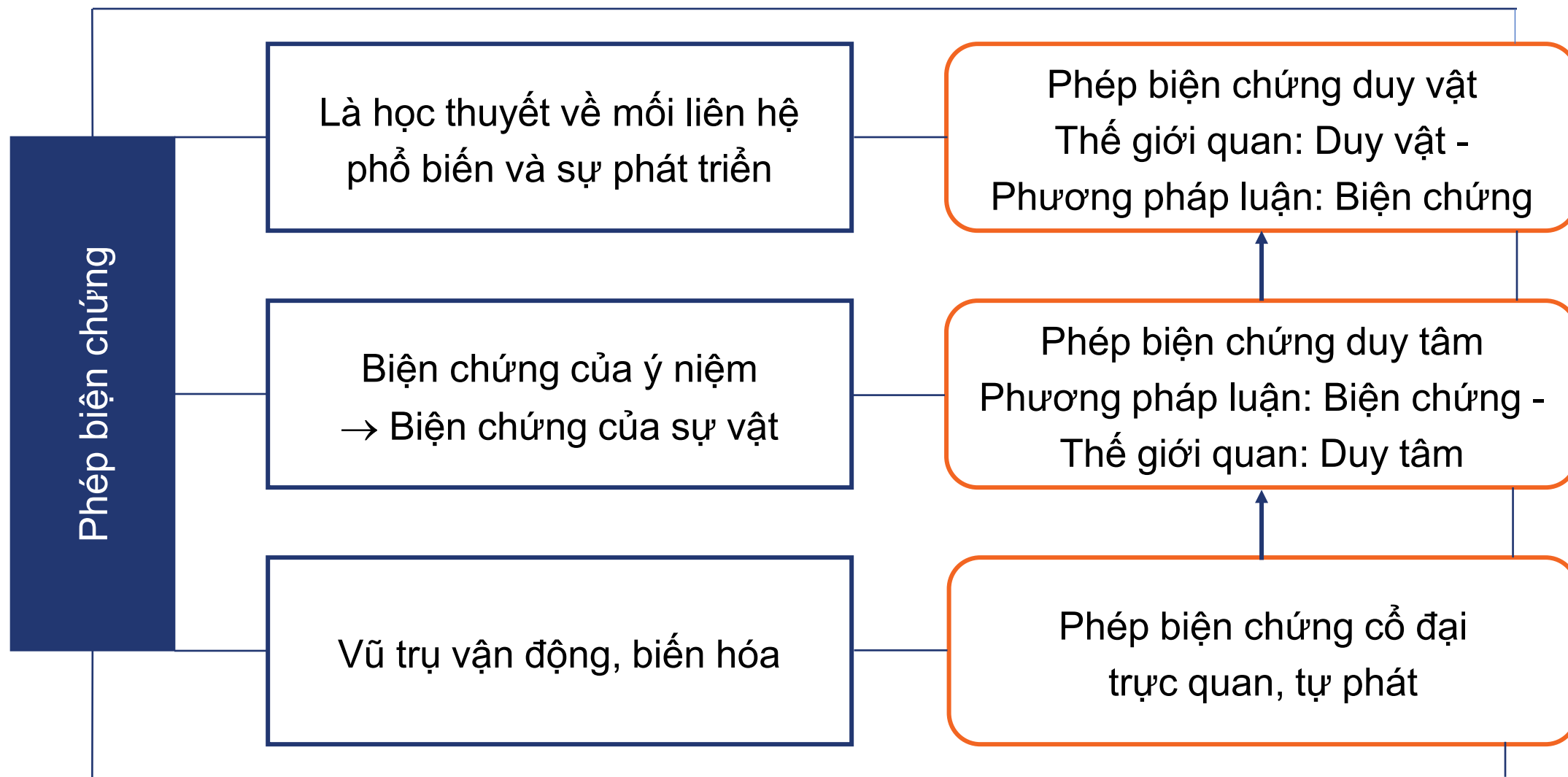
1.1.3. BIỆN CHỨNG VÀ SIÊU HÌNH

a. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử

Phương pháp siêu hình	Phương pháp biện chứng
Nhận thức đối tượng trong trạng thái tĩnh tại, cô lập, tách rời.	Nhận thức đối tượng trong các mối liên hệ phổ biến; vận động, phát triển.
Là phương pháp được đưa từ toán học và vật lý học cổ điển vào các khoa học thực nghiệm và triết học.	Là phương pháp giúp con người không chỉ thấy sự tồn tại của các sự vật mà còn thấy cả sự sinh thành, phát triển và tiêu vong của chúng.
Có vai trò to lớn trong việc giải quyết các vấn đề của cơ học nhưng hạn chế khi giải quyết các vấn đề về vận động, liên hệ.	Phương pháp tư duy biện chứng trở thành công cụ hữu hiệu giúp con người nhận thức và cải tạo thế giới.

1.1.3. BIỆN CHỨNG VÀ SIÊU HÌNH

b. Các hình thức cơ bản của phép biện chứng



b. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử

Phép biện chứng tự phát thời cổ đại	Phép biện chứng duy tâm	Phép biện chứng duy vật
Thấy được các sự vật, hiện tượng của vũ trụ vận động trong sự sinh thành, biến hóa vô cùng vô tận. Tuy nhiên, đó chỉ là trực kiến, chưa có các kết quả của nghiên cứu và thực nghiệm khoa học minh chứng.	<ul style="list-style-type: none">• Biện chứng bắt đầu từ tinh thần và kết thúc cũng ở tinh thần.• Thế giới hiện thực chỉ là sự phản ánh biện chứng của ý niệm.	<ul style="list-style-type: none">• Học thuyết về mối liên hệ phổ biến và về sự phát triển.• Thống nhất giữa chủ nghĩa duy vật với phép biện chứng.

KẾT LUẬN

- Triết học ra đời là một tất yếu trong quá trình phát triển của tư tưởng nhân loại.
- Sự ra đời của triết học gắn liền với những điều kiện khách quan của nó.
- Triết học có vai trò quan trọng đối với hoạt động nhận thức và cải tạo thực tiễn của con người.
- Trong tiến trình phát triển của tư tưởng triết học, các trào lưu, trường phái triết học được hình thành, phát triển đa dạng, phong phú, tạo nên bức tranh đa sắc màu của triết học hàng nghìn năm qua.



1.2. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

1.2.1

Sự ra đời và phát triển của triết học Mác - Lênin

1.2.2

Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin

1.2.3

Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

1.2.1. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

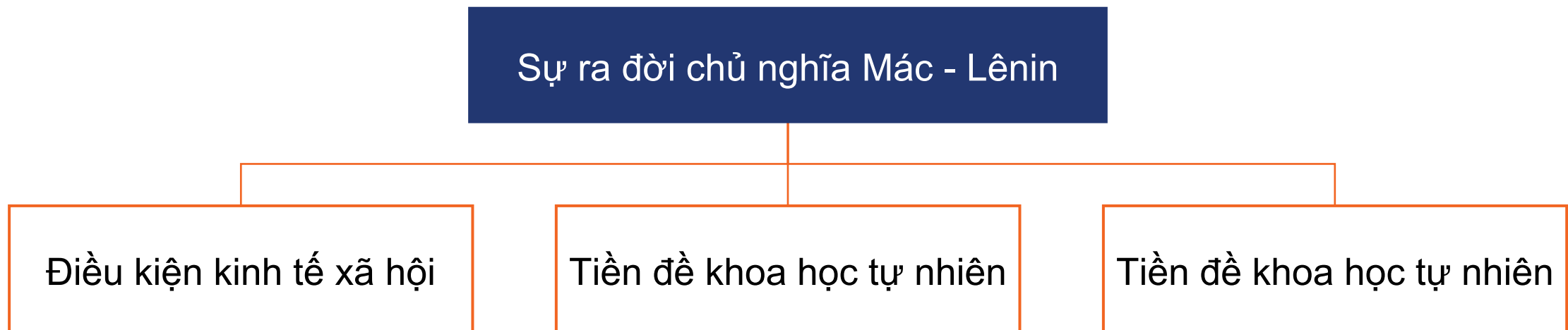
a. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác

b. Ba thời kỳ chủ yếu trong quá trình hình thành và phát triển của triết học Mác (giai đoạn C.Mác và Ph.Ăngghen)

c. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện

d. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển triết học Mác

a. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác



Điều kiện kinh tế xã hội

Sự củng cố và phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong điều kiện cách mạng công nghiệp.

Sự xuất hiện của giai cấp vô sản trên vũ đài lịch sử - nhân tố chính trị - xã hội quan trọng.

Thực tiễn cách mạng của giai cấp vô sản đòi hỏi một hệ tư tưởng, thế giới quan mới.

Điều kiện kinh tế - xã hội

- Sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất do tác động của cuộc cách mạng công nghiệp làm cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được củng cố vững chắc.
→ thể hiện rõ tính hơn hẳn của nó so với phương thức sản xuất phong kiến
- Từ đó dẫn đến hệ quả:
 - Về kinh tế: Nâng cao năng suất lao động, của cải xã hội tăng lên.
 - Về xã hội: Sự phát triển của tư bản làm cho những mâu thuẫn xã hội ngày càng thêm gay gắt và bộc lộ ngày càng rõ rệt.

1.2.1. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

Nguồn gốc lý luận và tiền đề khoa học tự nhiên

Tiền đề khoa học tự nhiên:

- Những phát minh của khoa học tự nhiên đã cung cấp cơ sở tri thức khoa học để phát triển tư duy biện chứng vượt khỏi tính tự phát của phép biện chứng cổ đại và thoát khỏi vỏ thần bí của phép biện chứng duy tâm.
- Ba phát minh mang tính vạch thời đại: định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng, thuyết tế bào và thuyết tiến hóa.



R.Mayer



M.Slâyden



C.Đácuy-n và thuyết tiến hóa

1.2.1. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

Nguồn gốc lý luận và tiền đề khoa học tự nhiên - *Tiền đề lý luận*:

C.Mác và Ph.Ăngghen đã kế thừa những thành tựu trong lịch sử tư tưởng của nhân loại, nhất là triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị học cổ điển Anh và chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp.

CNXH không tưởng - phê phán cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19

Kinh tế chính trị cổ điển Anh

Triết học cổ điển Đức



A.Smith



Ricácđô



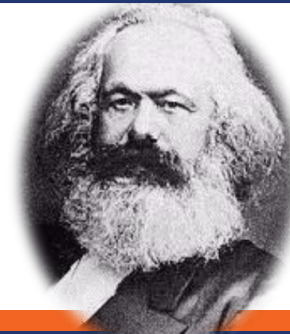
Cơ lô đơ Hăng gri Đơ Xanh Ximông



Rô bôt Ooen



Sác lơ Phuriê



C.Mác



Ph.Ăngghen



Phoi ơ bác

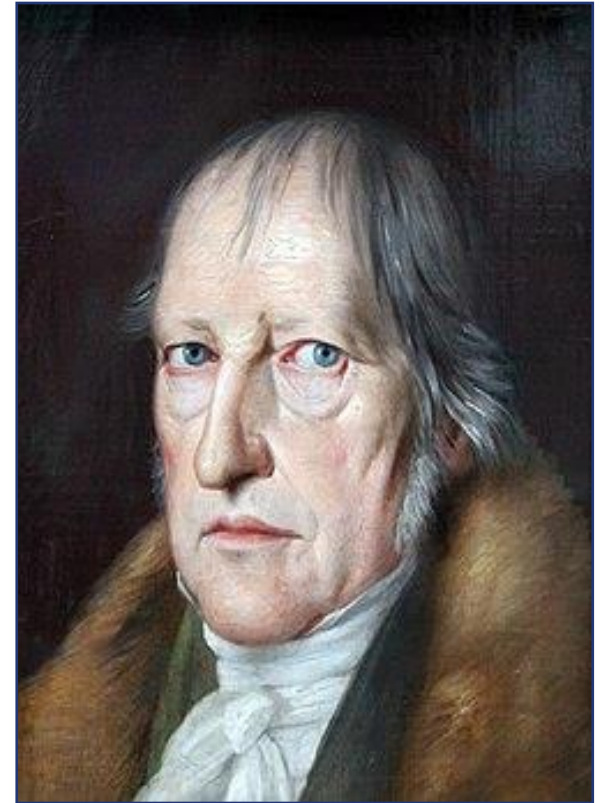


Heghen

Kế thừa và phát triển tinh hoa trong lịch sử tư tưởng

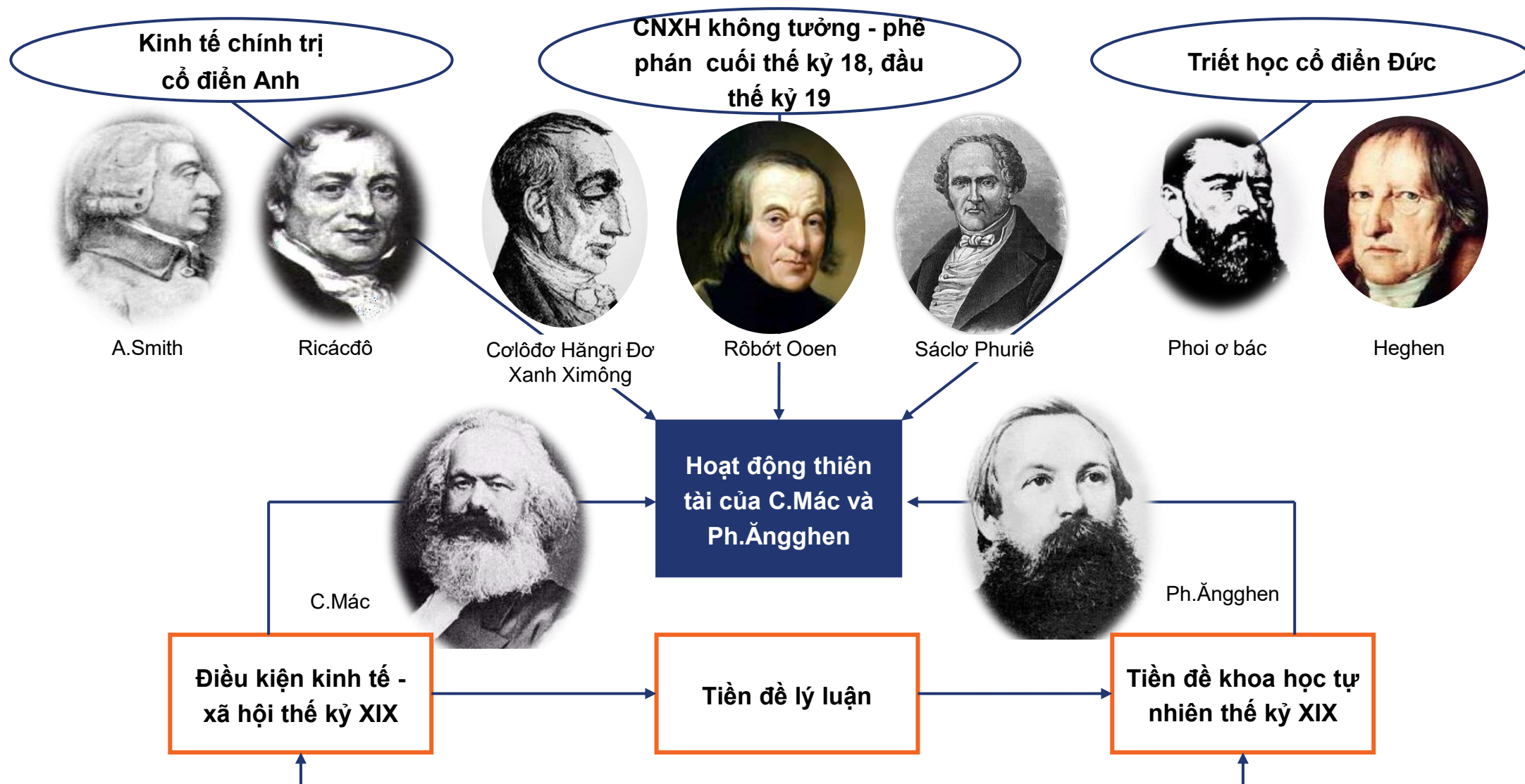
Câu 4: Luận điểm: “Cái gì tồn tại thì hợp lý, cái gì hợp lý thì tồn tại” là của nhà triết học nào?

- A. Arixtốt
- B. Hêghen
- C. Cantơ
- D. Phoiơbắc



G. Hêghen (1770 - 1831)

1.2.1. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN



1.2.1. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

Nhân tố chủ quan trong sự ra đời triết học Mác



b. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của triết học Mác

Thời kỳ hình thành tư tưởng triết học (1841 - 1844)

Hai nhà triết học đã thực hiện bước quá độ từ chủ nghĩa duy tâm và dân chủ cách mạng sang chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa cộng sản.



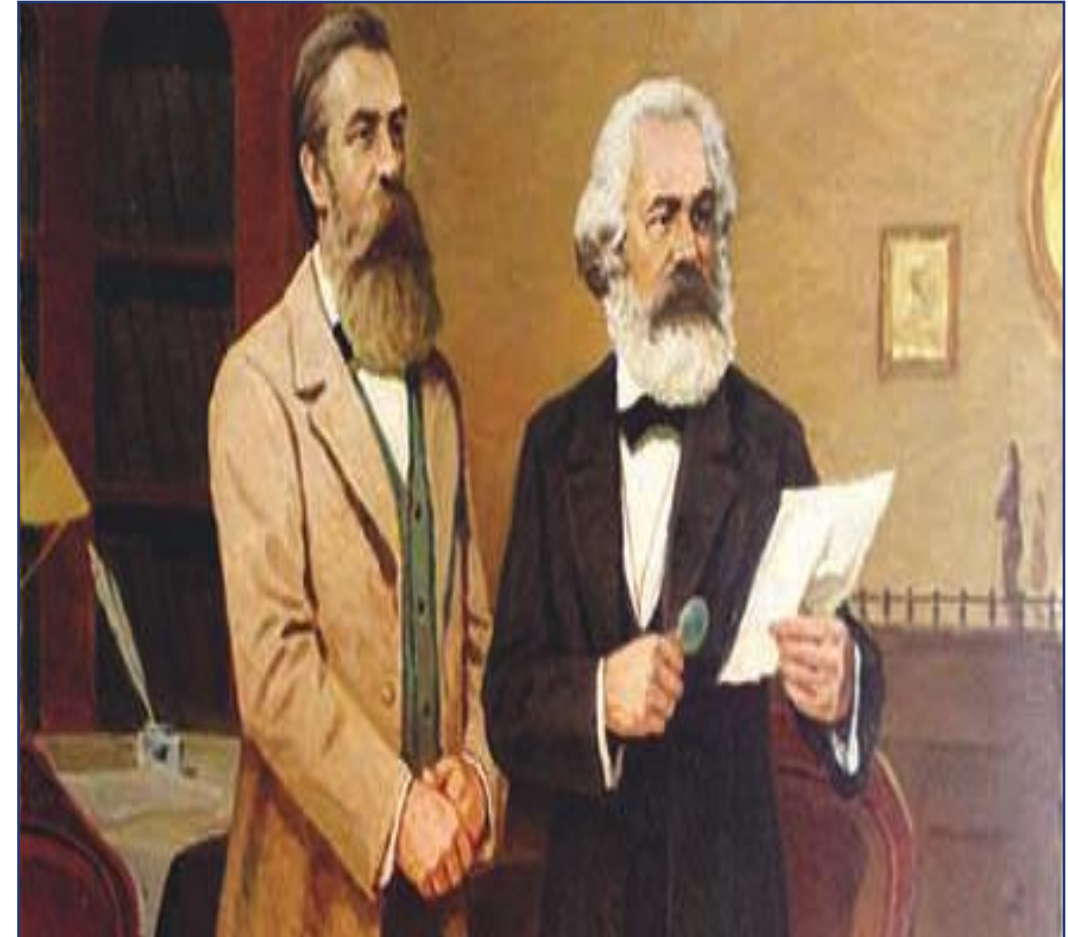
Thời kỳ đề xuất những nguyên lý triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử (1844 - 1848)

C.Mác và Ph.Ăngghen, sau khi tự giải phóng mình khỏi hệ thống triết học cũ đã bắt tay vào xây dựng những nguyên lý nền tảng cho một triết học mới.



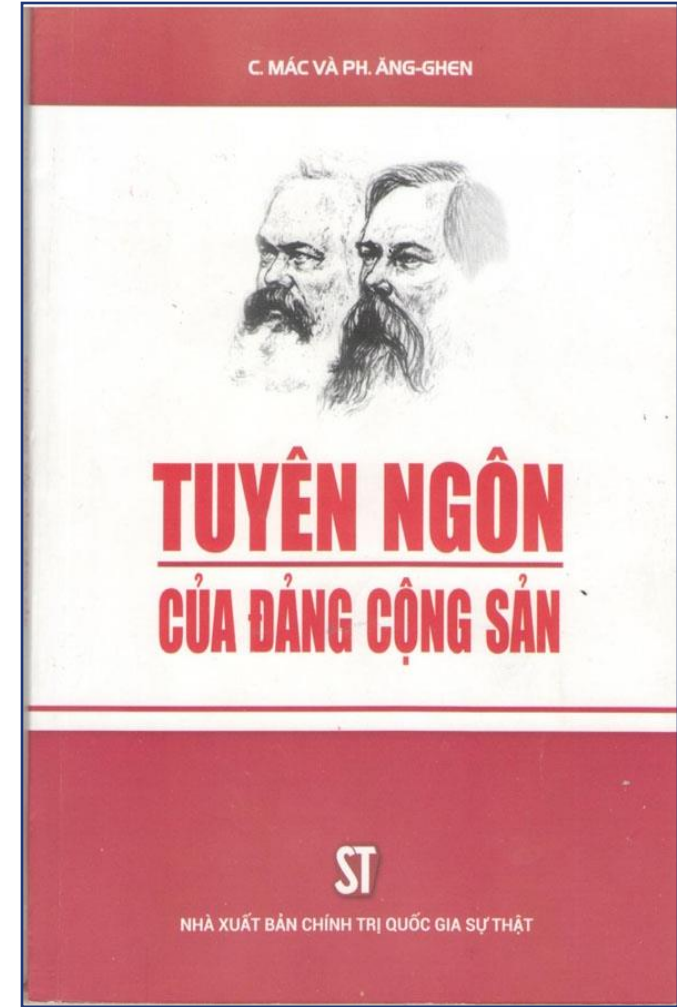
Thời kỳ C. Mác và Ph. Ăngghen bổ sung và phát triển toàn diện lý luận triết học (1848 - 1895)

Học thuyết Mác tiếp tục được bổ sung và phát triển trong sự gắn bó mật thiết với thực tiễn cách mạng của giai cấp công nhân, đưa phong trào công nhân từ tự phát thành phong trào tự giác và phát triển ngày càng mạnh mẽ.



Câu 5: Tác phẩm nào của Mác và Ăngghen đánh dấu sự hoàn thành về cơ bản triết học Mác nói riêng và chủ nghĩa Mác nói chung?

- A. Hệ tư tưởng Đức.
- B. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.
- C. Sự khốn cùng của triết học
- D. Luận cương về Phoiơbắc.



c. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện

- C.Mác và Ph.Ăngghen đã khắc phục tính chất trực quan, siêu hình của chủ nghĩa duy vật cũ và khắc phục tính chất duy tâm, thần bí của phép biện chứng duy tâm Đức, sáng tạo ra một chủ nghĩa duy vật triết học hoàn bị là chủ nghĩa duy vật biện chứng.
- C.Mác và Ph. Ăngghen đã vận dụng và mở rộng quan điểm duy vật biện chứng vào nghiên cứu lịch sử xã hội, sáng tạo ra chủ nghĩa duy vật lịch sử - nội dung chủ yếu của bước ngoặt cách mạng trong triết học.
- C.Mác và Ph. Ăngghen đã sáng tạo ra một triết học chân chính khoa học, với những đặc tính mới của triết học duy vật biện chứng.

d. Giai đoạn V.I.Lênin trong sự phát triển triết học Mác

Hoàn cảnh lịch sử V.I.Lênin phát triển triết học Mác

- Giai đoạn V.I.Lênin trong triết học Mác gắn liền với các sự kiện quan trọng trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội.
- Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, những phát minh lớn trong khoa học tự nhiên đã làm đảo lộn quan niệm về thế giới của vật lý học cổ điển.
- Sự tấn công của giai cấp tư sản trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận nhằm chống lại các quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng.



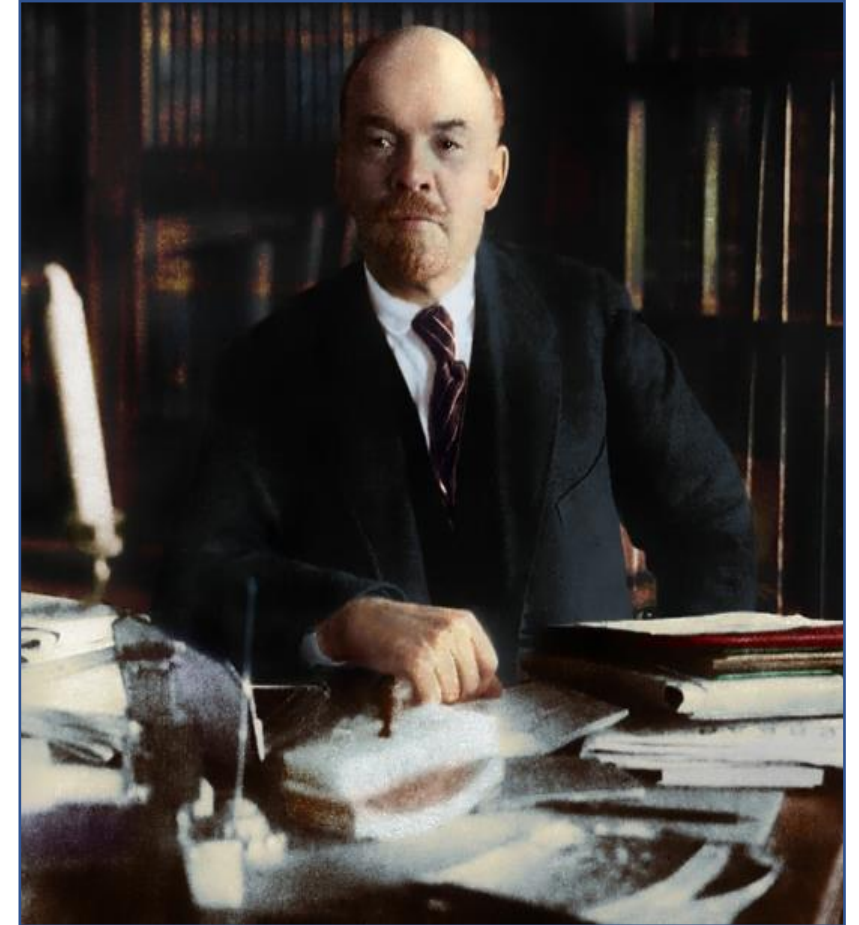
V.I.Lênin kế thừa trung thành và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác và triết học Mác trong thời đại mới - thời đại đế quốc chủ nghĩa và quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- V.I.Lênin bộc lộ tính thông minh từ nhỏ và rất nghiêm túc trong học tập.
- Với ý chí và lòng say mê hoạt động cách mạng, V.I.Lênin đã hăng say hoạt động cách mạng, cống hiến sức lực, tâm huyết và trí tuệ cho Đảng, cho sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân.



Các thời kỳ trong giai đoạn V.I.Lênin

- Thời kỳ 1893 - 1907: V.I.Lênin bảo vệ và phát triển triết học Mác nhằm thành lập đảng mácxít ở Nga và chuẩn bị cho cuộc cách mạng dân chủ tư sản lần thứ nhất.
- Thời kỳ 1907 - 1917: V.I.Lênin phát triển toàn diện triết học Mác và lãnh đạo phong trào công nhân Nga, chuẩn bị cho cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- Thời kỳ 1917 - 1924: V.I.Lênin tổng kết kinh nghiệm thực tiễn cách mạng, bổ sung, hoàn thiện triết học Mác, gắn liền với việc nghiên cứu các vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội.



Các thời kỳ trong giai đoạn V.I.Lênin

- Thời kỳ từ năm 1924 đến nay: Triết học Mác - Lênin tiếp tục được các đảng cộng sản và công nhân bổ sung, phát triển, vận dụng trong cuộc đấu tranh cách mạng giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.



1.2.2. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHỨC NĂNG CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

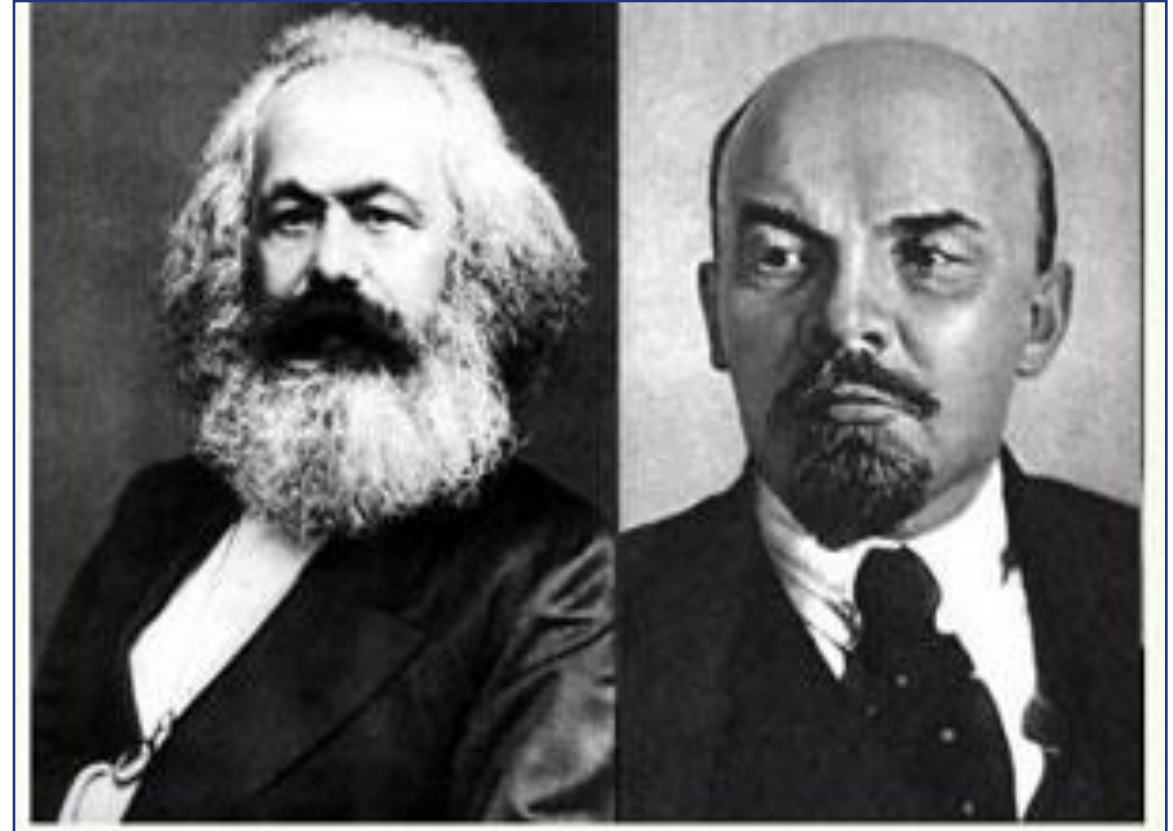
a. Khái niệm triết học
Mác - Lênin

b. Đối tượng của triết học
Mác - Lênin

b. Chức năng của triết học
Mác - Lênin

a. Khái niệm triết học Mác - Lênin

Triết học Mác - Lênin là hệ thống quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy - thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các lực lượng xã hội tiến bộ trong nhận thức đúng đắn và cải tạo thế giới.



b. Đối tượng của triết học Mác - Lênin

Triết học Mác - Lênin giải quyết mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trên lập trường duy vật biện chứng và nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.

Triết học Mác - Lênin phân biệt rõ ràng đối tượng của triết học và đối tượng của các khoa học cụ thể.

Triết học Mác - Lênin có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với các khoa học cụ thể.

c. Chức năng của triết học Mác - Lênin

Chức năng thế giới quan



```
graph TD; A([Chức năng thế giới quan]) --> B(Giúp con người nhận thức đúng đắn thế giới và bản thân để từ đó nhận thức đúng bản chất của tự nhiên và xã hội, giúp con người hình thành quan điểm khoa học, xác định thái độ và cách thức hoạt động của bản thân.); A --> C(Thế giới quan duy vật biện chứng nâng cao vai trò tích cực, sáng tạo của con người.); A --> D(Thế giới quan duy vật biện chứng có vai trò là cơ sở khoa học để đấu tranh với các loại thế giới quan duy tâm, tôn giáo, phản khoa học.);
```

Giúp con người nhận thức đúng đắn thế giới và bản thân để từ đó nhận thức đúng bản chất của tự nhiên và xã hội, giúp con người hình thành quan điểm khoa học, xác định thái độ và cách thức hoạt động của bản thân.

Thế giới quan duy vật biện chứng nâng cao vai trò tích cực, sáng tạo của con người.

Thế giới quan duy vật biện chứng có vai trò là cơ sở khoa học để đấu tranh với các loại thế giới quan duy tâm, tôn giáo, phản khoa học.

1.2.3. VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VÀ TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

a. Triết học Mác - Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn

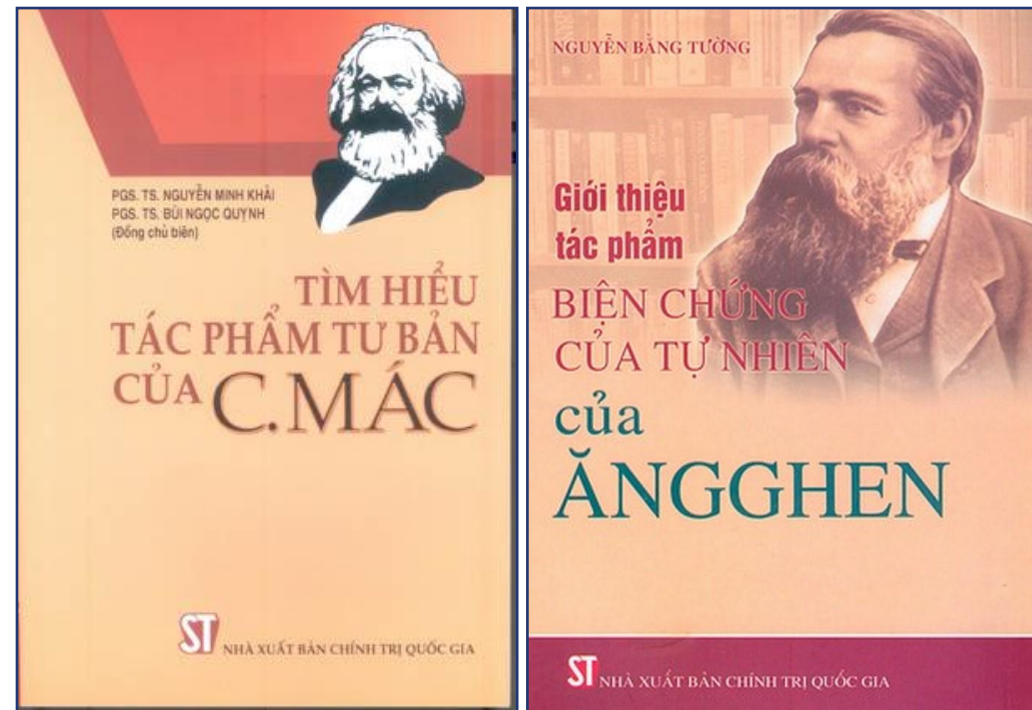
b. Triết học Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ

c. Triết học Mác - Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

1.2.3. VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VÀ TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

a. Triết học Mác - Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn

- Định hướng quan trọng cho con người trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.
- Tránh tuyệt đối hóa vai trò của triết học.



1.2.3. VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VÀ TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

b. Triết học Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ

- Triết học Mác - Lênin có vai trò rất quan trọng, là cơ sở lý luận, phương pháp luận cho các phát minh khoa học, cho sự tích hợp và truyền bá tri thức khoa học hiện đại.
- Triết học Mác - Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng để phân tích xu hướng vận động, phát triển của xã hội hiện đại.
- Triết học Mác - Lênin là lý luận khoa học và cách mạng soi đường cho loài người hướng đến mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

1.2.3. VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VÀ TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

c. Triết học Mác - Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

- Sự nghiệp đổi mới toàn diện ở Việt Nam tất yếu phải dựa trên cơ sở lý luận khoa học, trong đó hạt nhân là phép biện chứng duy vật.
- Triết học Mác - Lênin là nền tảng, cơ sở cho quá trình đổi mới tư duy ở Việt Nam.
- Thế giới quan triết học Mác - Lênin giúp nhìn nhận, đánh giá bối cảnh mới, đánh giá cục diện thế giới, các mối quan hệ quốc tế, xu hướng thời đại, thực trạng tình hình đất nước và con đường phát triển trong tương lai.



- Triết học Mác - Lênin ra đời là một tất yếu trong quá trình phát triển của tư tưởng nhân loại.
- Sự ra đời của triết học Mác - Lênin gắn liền với những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan.
- Triết học Mác - Lênin có vai trò quan trọng đối với hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người, là ngọn cờ lý luận của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh giai cấp.
- Trong sự nghiệp cách mạng ở nước ta hiện nay, cần vận dụng sáng tạo phương pháp luận của triết học Mác - Lênin để giải quyết tốt các mối quan hệ cơ bản của quá trình đổi mới, đó cũng là biện pháp thiết thực để bảo vệ, phát triển triết học Mác - Lênin, phát huy tác dụng và sức sống của nó đối với thời đại và đất nước.

- Triết học ra đời là một tất yếu trong quá trình phát triển của tư tưởng nhân loại, có vai trò quan trọng đối với hoạt động nhận thức và cải tạo thực tiễn của con người.
- Trong tiến trình phát triển của tư tưởng triết học, các trào lưu, trường phái triết học được hình thành, phát triển đa dạng, phong phú, tạo nên bức tranh đa sắc màu của triết học hàng nghìn năm qua.
- Triết học Mác - Lênin có vai trò quan trọng đối với hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người, là ngọn cờ lý luận của giai cấp vô sản trong cuộc đấu tranh giai cấp nhằm xóa bỏ mọi áp bức, bóc lột, bất công trong xã hội.
- Trong sự nghiệp cách mạng ở nước ta hiện nay, cần vận dụng sáng tạo phương pháp luận của triết học Mác - Lênin để giải quyết tốt các mối quan hệ cơ bản của quá trình đổi mới, đó cũng là biện pháp thiết thực để bảo vệ, phát triển triết học Mác – Lênin, phát huy tác dụng và sức sống của nó đối với thời đại và đất nước.